

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát; thẩm định báo cáo tài chính 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru

- Căn cứ Điều lệ của Công ty;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về nội dung, kết quả kiểm tra giám sát như sau:

I/ Tình hình tổ chức nhân sự

Ban Kiểm soát công ty gồm có 3 thành viên:

- | | |
|----------------------------|------------|
| - Bà Võ Trần Thúy Tâm | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Phú Hồng Quân | Thành viên |
| - Bà Phạm Thị Hiền | Thành viên |

Trưởng ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 2 thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoạt động của công ty phù hợp với Điều lệ, Quy chế và các quy định của pháp luật hiện hành.

II/ Kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 bầu với nhiệm kỳ 05 năm. Công tác quản trị được thực hiện theo đúng pháp luật, các quy định đối với hoạt động công ty niêm yết, điều lệ hoạt động của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tích cực, chủ động, bám sát các mục tiêu, định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và tình hình thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty để có các chỉ đạo kịp thời, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã ban hành 5 Nghị quyết và 19 quyết định. Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức nhân sự, công tác lao động tiền lương...

Hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng với quy định của Pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và các quy định hiện hành có liên quan.

- Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai và minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh và hướng đến mục tiêu hiệu quả.

- Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chuyên môn tham gia đúng theo quy định tại Điều lệ công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các cuộc họp đều được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện. Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của HĐQT trong tình hình dịch Covid-19.

- Trong các phiên họp Hội đồng quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia tương đối đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc công ty đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn có sự năng động và cẩn trọng. Luôn tuân thủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật, Điều lệ, Quy chế, Nghị quyết trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, hướng đến mục tiêu đời sống người lao động, phát triển sản xuất kinh doanh nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ đầu năm. Tuy dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp nhưng Ban TGDĐ đã điều hành công ty thực hiện sản xuất “3T” trong điều kiện hết sức khó khăn nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc quản lý các khoản chi phí, công nợ khách hàng, quản lý công tác nghiệp vụ hướng đến mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, nhằm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với cổ đông và chăm lo đời sống cho người lao động.

- Tập trung giải quyết các mặt còn hạn chế của công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí.

3. Về công tác thẩm định Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc, là đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết, kết quả kiểm toán được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán số 060.1/2022/BCKT-PB.00396 ngày 18/02/2022.

- Ý kiến của Kiểm toán viên về các báo cáo tài chính trong năm 2021 của công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần như sau: “Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.

- Qua công tác thẩm định báo cáo tài chính 2021, Ban kiểm soát thống nhất số liệu, chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cũng như ý kiến nhận xét của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty, cụ thể như sau:

a. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	34.904.803.880	32.005.545.965	2.899.257.915	9,06%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.994.344.461	2.500.284.055	1.494.060.406	59,76%
1	Tiền	111	3.994.344.461	2.500.284.055	1.494.060.406	59,76%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	17.753.122.052	15.418.246.462	2.334.875.590	15,14%
1	Phải thu khách hàng	131	13.513.517.335	11.319.849.829	2.193.667.506	19,38%
2	Trả trước cho người bán	132	548.167.300	186.368.798	361.798.502	194,13%
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.476.857.184	4.617.534.951	(140.677.767)	-3,05%
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(785.419.767)	(705.507.116)	(79.912.651)	11,33%
IV	Hàng tồn kho	140	12.503.244.159	13.213.836.646	(710.592.487)	-5,38%
1	Hàng tồn kho	141	12.503.244.159	13.213.836.646	(710.592.487)	-5,38%
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	654.093.208	873.178.802	(219.085.594)	-25,09%
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	654.093.208	873.178.802	(219.085.594)	-25,09%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	6.814.169.031	7.513.586.751	(699.417.720)	-9,31%
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	5.000.000	5.000.000	-	0,00%
1	Phải thu dài hạn khác	216	5.000.000	5.000.000	-	0,00%
II	Tài sản cố định	220	3.849.663.130	4.700.862.995	(851.199.865)	-18,11%
1	Tài sản cố định hữu hình	221	3.849.663.130	4.700.862.995	(851.199.865)	-18,11%
	Nguyên giá	222	27.790.351.234	27.790.351.234	-	0,00%
	Giá trị hao mòn	223	(23.940.688.104)	(23.089.488.239)	(851.199.865)	3,69%
2	Tài sản cố định vô hình	227	-	-	-	
	Nguyên giá	228	399.392.840	399.392.840	-	0,00%
	Giá trị hao mòn	229	(399.392.840)	(399.392.840)	-	0,00%
VI	Tài sản dài hạn khác	260	2.959.505.901	2.807.723.756		
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	2.959.505.901	2.807.723.756	151.782.145	5,41%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	41.718.972.911	39.519.132.716	2.199.840.195	5,57%

STT	Chi tiêu	Mã	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	16.576.977.522	14.813.811.810	1.763.165.712	11,90%
I	Nợ ngắn hạn	310	16.576.977.522	14.813.811.810	1.763.165.712	11,90%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.004.967.829	1.831.516.977	1.173.450.852	64,07%
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	243.782.967	146.909.935	96.873.032	65,94%
3	Phải trả người lao động	314	1.940.316.468	1.235.976.006	704.340.462	56,99%
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	155.388.000	-	155.388.000	
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	3.787.228.046	3.699.408.892	87.819.154	2,37%
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	7.445.294.212	7.900.000.000	(454.705.788)	-5,76%
II	Nợ dài hạn	330	-	-	-	
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25.144.999.389	24.705.320.906	439.678.483	1,78%
I	Vốn chủ sở hữu	410	25.144.999.389	24.705.320.906	439.678.483	1,78%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	22.000.000.000	22.000.000.000	-	0,00%
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	22.000.000.000	22.000.000.000	-	0,00%
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	2.294.591.369	2.294.591.369	-	0,00%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	850.408.020	410.729.537	439.678.483	107,05%
	LN chưa phân phối kỳ này	421b	850.408.020	410.729.537	439.678.483	107,05%
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	270	41.721.976.911	39.519.132.716	2.202.844.195	5,57%

Giải thích/ lưu ý các biến động lớn so với đầu kỳ

*** Tài sản:**

- Tiền và tương đương tiền (mã số 110) tăng lên 1,494 tỷ đồng tăng 59,76% chủ yếu tăng do tiền mặt cuối kỳ tăng.
- Phải thu ngắn hạn khách hàng (mã số 131) tăng 2,193 tỷ tăng 19,38% chủ yếu là do:
 - + Khách hàng Peru chậm thanh toán tiền: 4,892 tỷ đồng (không có dòng tiền vào).
 - + Các khách hàng xuất khẩu chưa đến hạn thanh toán nhưng xuất khẩu trong tháng 12 làm cho phải thu khách hàng tăng hơn so với đầu năm.
- Tài sản cố định (mã số 220) giảm 851 triệu đồng giảm 18,11% do công ty không đầu tư máy tài sản cố định, công ty chưa sử dụng nguồn khấu hao để đầu tư thiết bị mới.

*** Nguồn vốn**

- Phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311) tăng 1,173 tỷ đồng, tăng 64,07% do các khoản nợ khách hàng chưa đến hạn thanh toán, đầu năm 2022 mới đến hạn thanh toán.
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 96 triệu đồng, tăng 65,94% do năm 2021 tăng tiền thuế TNDN phải nộp cuối kỳ và công ty chưa nộp thuế TNDN năm 2021.
- Phải trả người lao động (mã số 314) tăng 704 triệu đồng, tăng 56,99% do tiền lương chưa chi trả trong tháng 12/2021 tăng hơn so với đầu kỳ.

- Vốn chủ sở hữu (mã số 400) tăng chủ yếu tăng do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng hơn năm 2020 là 439 triệu đồng.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

- Năm 2021, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có nhiều biến động, do ảnh hưởng của tình hình bùng phát dịch Covid, điều này ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty, BKS đánh giá cao sự nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất cùng với những giải pháp kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty, cụ thể.

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	74.744.892.407	70.342.979.232	4.401.913.175	6,26%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2.455.209.914	3.594.416.680	(1.139.206.766)	-31,69%
3	Doanh thu thuần	10	72.289.682.493	66.748.562.552	5.541.119.941	8,30%
4	Giá vốn hàng bán	11	57.888.397.532	52.213.554.606	5.674.842.926	10,87%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	14.401.284.961	14.535.007.946	(133.722.985)	-0,92%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.918.642	1.340.994	577.648	43,08%
7	Chi phí tài chính	22	864.597.074	834.901.573	29.695.501	3,56%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>764.106.794</i>	<i>782.626.412</i>	<i>(18.519.618)</i>	<i>-2,37%</i>
8	Chi phí bán hàng	25	4.395.042.945	4.668.605.109	(273.562.164)	-5,86%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.827.781.474	7.963.110.122	(135.328.648)	-1,70%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.315.782.110	1.069.732.136	246.049.974	23,00%
11	Thu nhập khác	31	-	-	-	
12	Chi phí khác	32	123.811.249	457.686.820	(333.875.571)	-72,95%
13	Lợi nhuận khác	40	(123.811.249)	(457.686.820)	333.875.571	-72,95%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.191.970.861	612.045.316	579.925.545	94,75%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	341.562.841	201.315.779	140.247.062	69,67%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	850.408.020	410.729.537	439.678.483	107,05%

*** Giải thích/lưu ý các biến động lớn so với năm 2020:**

Doanh thu bán hàng tăng 4,4 tỷ đồng, tăng 6,26% so với năm 2020, tuy nhiên doanh thu sản phẩm chính (bóng thể thao) tăng 1,36 tỷ đồng, tăng 2,3% so với năm 2020, còn lại tăng do kinh doanh mũ cao su.

Các khoản giảm trừ doanh thu giảm 1,139 tỷ đồng, giảm 31,69% so với năm 2020 làm cho doanh thu thuần trong năm 2021 tăng 5,54 tỷ đồng, tăng 8,3% so với năm 2020.

Bên cạnh đó mảng kinh doanh mũ cao su mang tính chất thương mại nên làm tăng giá vốn bán hàng trong kỳ 5,6 tỷ đồng, tăng 10,87% so với năm 2020, làm lợi nhuận thuần trong kỳ giảm 133 triệu, giảm 0,92% so với năm 2020.

Tuy nhiên kết quả lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 246 triệu đồng, tăng 23% so với năm 2020 là do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm hơn so với năm 2020.

Thuế TNDN năm 2021 tăng 140 triệu so với năm 2020 tăng 69,67% do năm 2021 công ty có kê khai nộp bổ sung thuế TNDN 2017 với giao dịch liên kết 158 triệu đồng.

Căn cứ các biến động trên cho thấy: Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021. Trong đó: Doanh thu bán hàng và thu nhập khác bằng 108,8% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế bằng 114,1% kế hoạch; nộp ngân sách đạt 103,4 kế hoạch.

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại ngày 31/12/2021

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số đầu kỳ (01/01/2021)	Đánh giá, nhận xét
1	Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn				
1,1	Cơ cấu tài sản:				
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	16,33%	19,01%	TS dài hạn chiếm tỷ trọng thấp, cơ cấu TS dài hạn/Tổng TS giảm cho thấy nguồn tài sản cố định đang giảm dần theo từng năm. Cơ cấu vốn của Công ty chuyển dần sang TS ngắn hạn.
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	83,67%	80,99%	Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để sản xuất kinh doanh.
1,2	Cơ cấu nguồn vốn				
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	39,73%	34,84%	Nợ phải trả chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nguồn vốn => an toàn tài chính nhưng lại không chiếm dụng được vốn từ nguồn bên ngoài
	- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn Vốn	%	60,27%	65,16%	Hệ số tự tài trợ cao => cơ cấu vốn bền vững
1,3	Tỷ trọng vốn vay và nợ				
	- Nợ ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn	%	39,73%	34,84%	Công ty chủ yếu nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn nên áp lực trả nợ cao
2	Khả năng thanh toán				
2,1	Tỷ lệ thanh toán tổng quát				
	- Tổng tài sản / Nợ phải trả	lần	2,52	2,67	Chỉ số này trung bình => Công ty có khả năng thanh toán nợ. Tuy nhiên năm 2021 tỷ lệ này giảm hơn so với năm 2020
2,2	Tỷ lệ thanh toán hiện hành				
	- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	lần	2,11	2,16	Tỷ lệ này >1 khả năng thanh toán trong ngắn hạn vẫn đảm bảo nhưng năm 2021 thấp hơn 2020

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ (31/12/2021)	Số đầu kỳ (01/01/2021)	Đánh giá, nhận xét
3	Chỉ số sinh lời				
3,1	Tỷ suất Lợi nhuận/Doanh thu				
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,18%	0,62%	Tỷ suất tăng, công ty đã làm ăn có hiệu quả hơn năm 2020
	- Tỷ suất Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	%	19,92%	21,78%	Tỷ lệ tương đối => tuy nhiên giá vốn tương đối cao hơn so với 2020, công ty cần tiết giảm chi phí trong sản xuất, kiểm soát nguyên, nhiên vật liệu trong định mức sản xuất
3,2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,52%	0,24%	Chỉ số này thấp chứng tỏ tài sản bỏ vào 100 đồng thì chỉ nhận 0,52 đồng lợi nhuận sau thuế tuy nhiên cao hơn năm 2020
4	Chỉ số hoạt động				
4,1	Số vòng quay các khoản phải thu	lần	5,82	6,32	Vòng quay phải thu ở mức cao >2 tháng (chủ yếu do không thu được khoản tiền của khách hàng peru dẫn đến số vòng quay thấp)
	- Thời gian thu tiền bình quân	ngày	61,83	57,00	
4,2	- Số vòng quay các khoản phải trả	lần	23,94	19,28	Vòng quay phải trả thấp bình quân 15 ngày thanh toán 1 lần, công ty chưa chiếm dụng được nguồn vốn từ các khoản nợ bên ngoài
	- Thời gian trả tiền bình quân	ngày	15,04	18,68	
4,3	Số vòng quay hàng tồn kho	lần	4,50	3,64	Vòng quay tương đối chậm => do sản xuất để xuất khẩu.
	- Thời gian quay vòng của hàng tồn kho	ngày	79,97	98,92	

Từ các chỉ tiêu tài chính trên ta thấy các chỉ số của công ty tương đối thấp, tuy nhiên so với năm 2020 đã có những chuyển biến tích cực hơn. Đến thời điểm 31/12/2021 công ty vẫn hoạt động bình thường.

d. Thực hiện phân phối lợi nhuận:

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 23/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận là trích toàn bộ lợi nhuận sau thuế 410.729.537 đồng cho quỹ phúc lợi cho người lao động. Nên sau Đại hội đồng cổ đông công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động: 410.729.537 đồng.

Các nguồn chi quỹ phúc lợi đều có sự phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn quyết định việc sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.

e. Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty

Công ty thực hiện việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn theo Khoản 3, Điều 22 Nghị định 918/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn

Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp. Cụ thể theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

	01/01/2021	31/12/2021
- Vốn chủ sở hữu của Công ty	24.705.320.906	25.144.999.389
Trong đó:		
+ Vốn góp của chủ sở hữu	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	2.294.591.369	2.294.591.369
+ Cổ phiếu quỹ	-	-
+ LNST chưa phân phối	410.729.537	850.408.020
- Tổng tài sản:	39.519.132.716	41.721.996.911
- Lợi nhuận sau thuế	410.729.537	850.408.020

Hệ số bảo toàn vốn = 1,018 > 1. Như vậy trong năm 2021, công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

*** Đánh giá chung:**

- Với chỉ tiêu hệ số bảo toàn vốn cho thấy năm 2021 Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, với mức năm sau cao hơn năm trước, hệ số $H > 1$. Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu thì đạt kết quả tốt theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, năm 2021 tăng hơn năm 2020.

- Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu thì kết quả năm 2021 tăng 107,05% so với năm 2020.

- Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ hiện hành và hệ số nợ phải trả cho thấy công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ.

f. Nhận xét, đánh giá vấn đề khác tại ngày 31/12/2021.

- Các khoản phải thu: Tổng giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng là 13.513 triệu đồng, trong đó có các khoản phải thu quá hạn với giá trị đã lập dự phòng là 785 triệu đồng. Trong năm Công ty cũng đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 79,91 triệu đồng.

- Tồn kho: Nguyên vật liệu sản xuất và thành phẩm giảm nhiều so với đầu năm, chủ yếu đã giảm lượng hàng tồn kho thành phẩm nhập khẩu từ năm 2019 để lại, tuy nhiên chi phí dở dang trong kỳ tăng 41,3% so với cùng kỳ năm 2020 là do đang sản xuất các đơn hàng xuất khẩu trong quý 1/2022. Giá trị tồn kho tính đến 31/12/2021 là 12.503 triệu đồng, chiếm 56,8% vốn điều lệ, giảm 5,08% so với cùng kỳ năm 2020, đây cũng là tín hiệu cho thấy lượng dự trữ hàng tồn kho giảm đáng kể.

- Đầu tư khác: Trong năm 2021, Công ty không tiến hành đầu tư máy móc thiết bị mà chủ yếu mua sắm công cụ dụng cụ nhằm sửa chữa máy móc thiết bị dẫn đến quy trình công nghệ của công ty chưa cải tiến, năng suất lao động bình quân chưa tăng, cho nên sản lượng sản xuất và tiêu thụ chưa tăng vì đa số sử dụng lao động chân tay.

- Tiền lương: Năm 2021, Công ty đã quyết toán quỹ lương với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quy định. Tuy nhiên, công ty vẫn nợ chi phí tiền lương

vượt đến 31/12/2021 là: 3,359 tỷ đồng. (trong năm đã truy thu lương người quản lý 32,5 triệu đồng), phần truy thu quỹ lương người lao động 300 triệu đồng sẽ thực hiện truy thu trong cuối tháng 3/2022).

- Khoản chi phí trả trước dài hạn (242) 2,409 tỷ đồng là khoản chi phí giải tỏa đền bù từ năm 2014 đến nay chưa đưa thực hiện do chưa có quyết định bồi thường của Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng. Tương ứng với phải phải trả khác (338): 3,5 tỷ đồng, Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng quận Tân Phú đã tạm ứng tiền bồi thường nhưng chưa có Quyết định nên Công ty chưa hạch toán phần thu chi này. Vì vậy đề nghị công ty tiếp tục làm việc để có quyết định bồi thường theo quy định.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của công ty. BKS đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2021 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn BKS được quy định tại Điều lệ công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của công ty.

- Kiểm soát tính tuân thủ về mặt pháp lý các văn bản của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của công ty, việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Kiểm soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước có liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty, xem xét và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong năm, công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế...

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2022, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Có phương án tái cơ cấu công ty trung dài hạn phù hợp với chiến lược định hướng phát triển công ty trình Tập đoàn nhằm giúp công ty có hướng phát triển bền vững theo chiến lược chung của Tập đoàn.

- Về công tác kinh doanh: Phải có dự báo về tình hình thị trường trong từng giai đoạn để đưa ra nhiều phương án kinh doanh cho phù hợp nhằm đẩy mạnh SXKD ngày càng phát triển bền vững.

- Công ty cần có chiến lược kinh doanh nhằm mở rộng thêm sản phẩm khác để tiêu thụ, tìm kiếm thêm khách hàng trong và ngoài nước, mở rộng nhiều kênh bán hàng...

- Tiếp tục có kế hoạch trả khoản lương chi vượt quyết toán trước đây trong năm 2022 và có phương án giải quyết khoản phải thu CBCNV không còn làm việc ở công ty.

- Đề nghị công ty có kế hoạch trích lập dự phòng cho khách hàng Peru theo hướng dẫn thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019.

- Tiếp tục quản lý tốt lượng tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty.
- Tiếp tục làm việc với UBND Quận Tân Phú và các cấp để hoàn tất việc bồi thường giải phóng mặt bằng.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của công ty.
- Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với số lượng lao động trực tiếp, hiện nay tỷ lệ lao động gián tiếp/ lao động trực tiếp
- Ổn định sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm, kiểm soát tiêu hao định mức chặt chẽ.
- Có các hình thức khen thưởng động viên kịp thời cho người lao động nhằm giữ chân người lao động
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

- Thực hiện đúng và đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty trong chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế quản trị của công ty.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị và đề xuất các kiến nghị với Ban Tổng giám đốc trong tất cả các hoạt động để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thẩm định báo cáo tài chính đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực. Phân tích, đánh giá những chỉ tiêu tài chính cơ bản, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2021. BKS xin đánh giá theo thực trạng để Đại hội đồng cổ đông có những quyết sách phù hợp trong tình hình khó khăn như hiện nay. Lời cuối cùng BKS xin tiếp thu những ý kiến đóng góp của quý cổ đông giúp BKS hoạt động ngày càng tốt hơn.

Một lần nữa thay mặt BKS Công ty cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý lãnh đạo các cấp, Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống.

Xin trân trọng báo cáo!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu VT; BKS.



Võ Trần Thúy Tâm